

Số: 24./2025/HIO/CBTT

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Helio Energy thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 3 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Helio Energy

- Mã chứng khoán: HIO
- Địa chỉ: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333 Fax:.....
- Email: info@helioenergy.vn Website: https://helioenergy.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 3/2025
 - ☒ BCTC riêng (CTĐC không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc).
 - ☐ BCTC hợp nhất (CTĐC có công ty con).
 - ☐ BCTC tổng hợp (CTĐC có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán ...):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☒ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☒ Không



- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/10/2025 tại đường dẫn <https://helioenergy.vn>.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng Quý 3/2025;
- Công văn số 46/2025/CV-HIO về việc Giải trình biến động kết quả SXKD Quý 3/2025.

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Tuấn Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ 3 NĂM 2025

(Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025)

Hà Nội, ngày ²⁴ tháng ¹⁰ năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2025	Tại 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.104.186.269	29.462.754.568
I. Tiền	110	4	651.301.596	14.224.667.716
1. Tiền	111		651.301.596	14.224.667.716
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.751.715.206	14.578.611.523
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	17.906.368.480	13.056.248.522
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	9.789.394.000	1.492.428.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		55.952.726	29.935.001
III. Hàng tồn kho	140		37.610.909	150.025.270
1. Hàng tồn kho	141		37.610.909	150.025.270
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.663.558.558	509.450.059
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	1.663.558.558	509.450.059
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		221.143.724.117	223.921.595.374
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		740.000.000	830.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	740.000.000	830.000.000
II. Tài sản cố định	220	10	33.419.238.909	36.544.174.872
1. Tài sản cố định hữu hình	221		33.419.238.909	36.544.174.872
- Nguyên giá	222		53.073.074.935	53.073.074.935
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.653.836.026)	(16.528.900.063)
III. Bất động sản đầu tư	230	11	1.628.269.327	1.747.410.985
- Nguyên giá	231		2.382.833.161	2.382.833.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(754.563.834)	(635.422.176)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	184.471.924.482	183.929.800.801
1. Đầu tư vào công ty con	251		184.805.500.000	184.805.500.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(333.575.518)	(875.699.199)
V. Tài sản dài hạn khác	260		884.291.399	870.208.716
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	774.730.677	870.208.716
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		109.560.722	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		251.247.910.386	253.384.349.942


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

		Đơn vị: VND	
NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	Tại 30/09/2025	Tại 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	29.995.352.486	31.949.173.440
I. Nợ ngắn hạn	310	12.815.352.486	10.429.173.440
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 12	2.203.451.970	256.060.942
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 13	772.756.536	1.577.458.264
3. Phải trả người lao động	314	279.000.000	389.500.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 14	1.772.649.395	2.507.960.527
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	116.250.000	73.250.000
6. Vay ngắn hạn	320 15	5.750.000.000	5.390.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.921.244.585	234.943.707
II. Nợ dài hạn	330	17.180.000.000	21.520.000.000
1. Vay dài hạn	338 15	17.180.000.000	21.520.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	221.252.557.900	221.435.176.502
I. Vốn chủ sở hữu	410 16	221.252.557.900	221.435.176.502
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	210.000.000.000	210.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế	421	11.252.557.900	11.435.176.502
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm/kỳ trước	421a	9.748.875.624	6.487.926.830
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/(Lỗ) kỳ này	421b	1.503.682.276	4.947.249.672
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	251.247.910.386	253.384.349.942


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu


Lê Thị Trang
Kế toán trưởng




Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 3 NĂM 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	8.064.411.082	8.604.712.971	25.197.968.254	25.642.102.655
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		8.064.411.082	8.604.712.971	25.197.968.254	25.642.102.655
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	4.984.463.723	5.346.415.558	16.540.962.941	15.813.671.510
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.079.947.359	3.258.297.413	8.657.005.313	9.828.431.145
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	690.654	71.384.094	5.490.745	160.865.263
6. Chi phí tài chính	22	21	476.736.551	413.687.237	943.920.006	258.247.865
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		462.745.874	594.916.297	1.486.043.687	1.864.355.250
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.950.836.413	1.478.247.528	5.914.828.722	4.423.222.421
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		653.065.049	1.437.746.742	1.803.747.330	5.307.826.122
9. Thu nhập khác	31		529.300	327.697	38.513.014	133.682.000
10. Chi phí khác	32		2.110	2.651	17.743.810	14.878.094
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		527.190	325.046	20.769.204	118.803.906
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		653.592.239	1.438.071.788	1.824.516.534	5.426.630.028
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	113.661.039	287.614.888	320.834.258	957.008.234
14. Lợi nhuận/(lỗ)sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		539.931.200	1.150.456.900	1.503.682.276	4.469.621.794



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 3 năm 2025

		Đơn vị: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.824.516.534	5.426.630.028
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	3.244.077.621	3.244.077.621
Các khoản dự phòng	03	(542.123.681)	(1.606.443.385)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.490.745)	(160.031.689)
Chi phí lãi vay	06	1.486.043.687	1.864.355.250
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.007.023.416	8.768.587.825
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	(13.083.103.683)	8.597.058.740
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	2.853.639	387.069.911
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	1.111.801.115	(35.364.995)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	(1.058.630.460)	(294.279.960)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.494.885.222)	(1.871.973.880)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.083.915.670)	(846.844.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.598.856.865)	14.704.253.370
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(56.000.000.000)
2 Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	56.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	5.490.745	160.031.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.490.745	160.031.689
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.980.000.000)	(3.760.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.980.000.000)	(3.760.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	50	(13.573.366.120)	11.104.285.059
Tiền đầu năm/kỳ	60	14.224.667.716	3.357.152.990
Tiền cuối năm/kỳ (70=50+60)	70	651.301.596	14.461.438.049


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu


Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020, đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 8 ngày 26 tháng 07 năm 2025, vốn điều lệ của công ty là 210.000.000.000 VND.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán HIO từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thành Đạt.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có 26 công ty con trực tiếp. Thông tin chi tiết về các công ty con trực tiếp của Công ty như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Apollo Power 2 (*)	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
4	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
10	Công ty TNHH KCP Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
20	Công ty TNHH Solar Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện

(*) Công ty TNHH Apollo Power 2 không còn là Công ty con trực tiếp của Công ty kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2025 theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 10 năm 2025.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ Kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Các chi phí mua ngoài, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí khác cho các hợp đồng đang thực hiện. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Máy móc, thiết bị	10 – 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Tại 30/09/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	161.680.000	222.611.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	489.621.596	14.002.056.716
	651.301.596	14.224.667.716

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/09/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải thu từ khách hàng	12.980.233.480	7.068.728.522
<i>Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH (i)</i>	156.562.576	163.070.424
<i>Công ty Điện lực Lâm Đồng (i)</i>	206.104.159	157.958.981
<i>Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương (i)</i>	169.212.532	159.738.091
<i>Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Vũng Tàu (i)</i>	165.923.625	133.881.026
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	12.282.430.588	6.454.080.000
Phải thu từ các bên liên quan (Chi tiết Thuyết minh số 24)	4.926.135.000	5.987.520.000
	17.906.368.480	13.056.248.522

(i) Tên gọi của các công ty điện lực trình bày tại Thuyết minh này được cập nhật theo tên gọi mới từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Tại 30/09/2025</u>	<u>Tại 01/01/2025</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Phú Gia Construction	-	400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	-	129.440.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	-	710.988.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	-	252.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng năng lượng Oscar	9.077.475.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	711.919.000	-
	<u>9.789.394.000</u>	<u>1.492.428.000</u>

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Tại 30/09/2025</u>	<u>Tại 01/01/2025</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	604.539.304	48.655.915
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.059.019.254	460.794.144
	<u>1.663.558.558</u>	<u>509.450.059</u>
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	599.597.743	848.419.492
Chi phí trả trước dài hạn khác	175.132.934	21.789.224
	<u>774.730.677</u>	<u>870.208.716</u>

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<u>Tại 30/09/2025</u>	<u>Tại 01/01/2025</u>
	VND	VND
Các khoản đặt cọc	740.000.000	830.000.000
	<u>740.000.000</u>	<u>830.000.000</u>

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Tại 30/09/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Công ty TNHH Apollo Power 2	10.037.500.000	-	10.037.500.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	-	10.095.000.000	(184.581.547)
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	(333.575.518)	10.100.000.000	(472.563.844)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	(113.691.902)
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	(104.861.906)
	184.805.500.000	(333.575.518)	184.805.500.000	(875.699.199)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại thời điểm lập báo cáo do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tấm pin mặt trời	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	61.269.804	6.575.551.262	50.093.537	2.227.404.045	7.614.581.415	16.528.900.063
Khấu hao trong kỳ	11.453.850	1.233.481.023	25.550.451	430.638.354	1.423.812.285	3.124.935.963
Số dư cuối kỳ	72.723.654	7.809.032.285	75.643.988	2.658.042.399	9.038.393.700	19.653.836.026
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	167.807.236	12.023.176.338	52.108.281	3.439.418.537	20.861.664.480	36.544.174.872
Tại ngày cuối kỳ	156.353.386	10.789.695.315	26.557.830	3.008.780.183	19.437.852.195	33.419.238.909

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	2.382.833.161
Số dư cuối kỳ	2.382.833.161
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	635.422.176
Khấu hao trong kỳ	119.141.658
Số dư cuối kỳ	754.563.834
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	1.747.410.985
Tại ngày cuối kỳ	1.628.269.327

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 30/09/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	809.762.000	809.762.000	-	-
Công ty TNHH Phú Gia Construction	164.928.960	164.928.960	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng điện Huy Hoàng	378.000.000	378.000.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	850.761.010	850.761.010	256.060.942	256.060.942
	<u>2.203.451.970</u>	<u>2.203.451.970</u>	<u>256.060.942</u>	<u>256.060.942</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại 30/09/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	364.438.238	1.005.255.330	994.728.552	374.965.016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.083.915.670	320.834.258	1.083.915.670	320.834.258
Thuế thu nhập cá nhân	129.104.356	475.324.764	527.471.858	76.957.262
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
	<u>1.577.458.264</u>	<u>1.808.414.352</u>	<u>2.613.116.080</u>	<u>772.756.536</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/09/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	1.744.937.761	1.943.292.449
Chi phí lãi vay	14.402.301	23.243.836
Các khoản trích trước khác	13.309.333	541.424.242
	<u>1.772.649.395</u>	<u>2.507.960.527</u>

15. VAY

	Tại 01/01/2025		Trong kỳ		Phân loại theo lịch trả nợ		Tại 30/09/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn								
Vay dài hạn đến hạn trả	5.390.000.000	5.390.000.000	-	3.980.000.000	4.340.000.000	-	5.750.000.000	5.750.000.000
	5.390.000.000	5.390.000.000	-	3.980.000.000	4.340.000.000	-	5.750.000.000	5.750.000.000
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng và công ty tài chính	21.520.000.000	21.520.000.000	-	-	-	4.340.000.000	17.180.000.000	17.180.000.000
	21.520.000.000	21.520.000.000	-	-	-	4.340.000.000	17.180.000.000	17.180.000.000
	26.910.000.000	26.910.000.000	-	3.980.000.000	4.340.000.000	4.340.000.000	22.930.000.000	22.930.000.000
Tổng cộng								

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

Bên cho vay	Tại 30/09/2025	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	18.510.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 6 năm 2029	7,6% - 7,9%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power - công ty mẹ của Công ty; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của các dự án điện mặt trời trên mái nhà và quyền khai thác, quản lý dự án đầu tư.
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	4.420.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 11 năm 2027	8,88%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty
TỔNG CỘNG	22.930.000.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	5.750.000.000			
Vay dài hạn	17.180.000.000			

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	11.435.176.502	221.435.176.502
Lãi (Lỗ) trong kỳ	-	1.503.682.276	1.503.682.276
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	-	(1.686.300.878)	(1.686.300.878)
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	210.000.000.000	11.252.557.900	221.252.557.900

- (i) Việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2025.

Cổ phiếu	Tại 30/09/2025	Tại 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 ngày 26 tháng 7 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Tại 30/09/2025		Tại 01/01/2025	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	69,31%	145.560.000.000	69,31%
Các cổ đông khác	64.440.000.000	30,69%	64.440.000.000	30,69%
	210.000.000.000	100%	210.000.000.000	100%

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
	VND	VND
Doanh thu bán điện	2.197.059.202	2.303.305.771
Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	5.820.851.880	6.256.407.200
Doanh thu cho thuê	46.500.000	45.000.000
	8.064.411.082	8.604.712.971
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	2.772.000.000	3.194.203.600

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
	VND	VND
Giá vốn bán điện	1.732.555.976	1.503.406.559
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	3.206.889.642	3.797.990.894
Giá vốn cho thuê	45.018.105	45.018.105
	4.984.463.723	5.346.415.558

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.555.084.128	2.210.340.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.081.359.207	1.081.359.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.277.941.659	3.144.053.002
Chi phí khác bằng tiền	20.915.142	12.244.223
	6.935.300.136	6.447.997.400

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính	690.654	71.384.094
	690.654	71.384.094

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	462.745.874	594.916.297
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	13.990.677	(181.229.060)
	476.736.551	413.687.237

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	614.533.250	564.575.625
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.516.817	8.516.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.323.401.531	903.763.086
Chi phí khác bằng tiền	4.384.815	1.392.000
	1.950.836.413	1.478.247.528

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	320.834.258	957.008.234
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	320.834.258	957.008.234

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm/kỳ hiện hành được tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	1.824.516.534	5.426.630.028
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	62.743.810	79.878.094
Chuyển lỗ		
Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	-	721.466.951
Thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	1.887.260.344	4.785.041.171
Thuế suất	17%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	320.834.258	957.008.234

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty năm 2024 là 20%. Căn cứ theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, năm 2025 Công ty áp dụng mức thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng. Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 17% là tổng doanh thu của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp trước liền kề.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:

Mỗi quan hệ

Công ty mẹ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Thành viên độc lập HĐQT
Tổng Giám đốc
Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Kế toán trưởng

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Apollo Power 4	144.000.000	146.203.600
Công ty TNHH Omega Power 3	108.000.000	108.000.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng>NNL Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	36.000.000	36.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	36.000.000	36.000.000
Công ty Cổ phần Helio Power	-	420.000.000
	2.772.000.000	3.194.203.600

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán:

	Tại 30/09/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Apollo Power 4	155.520.000	311.040.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	323.682.000	155.520.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	325.488.000	155.520.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	322.478.000	155.520.000
Công ty TNHH Omega Power 3	233.280.000	233.280.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Solar Việt	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	324.284.000	155.520.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	324.585.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH KCP Energy	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	155.520.000	155.520.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	155.520.000	155.520.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	245.019.000	155.520.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	246.223.000	155.520.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	246.223.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	247.126.000	155.520.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	169.667.000	155.520.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	155.520.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	155.520.000	155.520.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	116.640.000	77.760.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	38.880.000	77.760.000
	4.926.135.000	5.987.520.000

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2025</u> <u>đến ngày 30/09/2025</u>	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/09/2024</u>
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	180.000.000	197.500.000
Bà Nguyễn Thị Lan	-	35.000.000
Ông Phan Thành Đạt	90.000.000	72.500.000
Ông Nguyễn Thanh Long	45.000.000	45.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	45.000.000	45.000.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.686.410.520	1.197.151.389
Ông Phan Thành Đạt	-	223.789.739
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	654.324.633	417.794.350
Ông Bùi Tuấn Dương	612.755.350	419.558.500
Bà Lê Thị Trang	419.330.537	136.008.800
Ban Kiểm soát	99.000.000	99.000.000
Ông Trần Minh Đức	45.000.000	45.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	27.000.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	27.000.000	27.000.000

25. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng.



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 24 tháng 12 năm 2025

